

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST

Ngày: 23/08/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Bà Lý Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS, ngày 15 tháng 05 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXXST-DS, ngày 01/08/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 70/4, đường N.Q, ấp V.X, thị trấn M.X, huyện M.X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phan Khánh H, (P) sinh năm 1986 (có mặt)

ĐKTT: 78/21/B15 T. H. Đ, P.14, Q. 6, TP. H. C. M.

Tạm trú: Số 12A, đường L.L, ấp C.T, thị trấn M.X, huyện M.X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/05/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

+ Vào ngày 7/12/2016 âm lịch (AL) ông có cho ông H mượn số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) lãi 5%/tháng. Sau đó thì hai bên thương lượng lại thì ông đồng ý cho ông H trả góp với số tiền vốn nhập lãi là 55.000.000đ, trong này có 50.000.000đ vốn và 5.000.000đ lãi (mức lãi 2,5%/tháng), góp trong 125 ngày, mỗi ngày góp 440.000đ là dứt nợ. Ông H đã góp cho ông được 41 lần = 18.040.000đ, số còn lại là 36.960.000 đồng chưa trả, kéo dài tới nay.

+ Vào ngày 4/2/2017AL ông H có cầm cho ông N 02 chiếc xe với giá 6.700.000đ

sau đó ông cho ông H lấy xe về và ông H làm biên nhận nợ cho ông số tiền 6.700.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 5%/tháng, sau khi vay ông H không đóng lãi cũng không trả cho ông số tiền nào.

+ Đến ngày 22/2/2017AL ông cho ông H mượn thêm số tiền 5.100.000đ, phần tiền vay này không tính lãi, sau đó ông H có trả được 1.200.000đ, số còn lại 3.900.000đ chưa trả.

+ Ngoài ra vào ngày 01/3/2017AL ông có cho H mượn 4.000.000đ ông H hứa vài ngày sau sẽ trả nhưng ông H cũng không thực hiện.

Các phần nợ 50.000.000đ; phần nợ 6.700.000đ và 5.100.000đ ông H có làm giấy nợ tay cho ông, riêng số tiền 4.000.000đ hai bên không có làm giấy tờ.

Tại phiên toà ông N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000đ do số tiền này không có biên nhận nợ đồng thời rút lại số tiền lãi 5.000.000đ (lãi của số tiền vốn 50.000.000đ), tổng cộng ông N xin rút lại số tiền 9.000.000đ, ông N chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền 42.560.000đ mà ông H còn nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/06/2017; Biên bản hoà giải ngày 26/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Phan Khánh H trình bày:

Vào thời gian trước đây ông không nhớ cụ thể ngày tháng ông có vay tiền nhiều lần của ông N tổng cộng vốn lãi là 55.000.000đ vốn, trả góp mỗi ngày 440.000đ, trả 125 ngày dứt nợ. Sau khi vay ông đã trả góp cho ông N được 78 ngày bằng 34.320.000đ số còn lại là 20.680.000đ chưa trả. Sau khi vay tiền thì ông có bán cho ông N tổng cộng 10 con gà đá với tổng số tiền là 12.800.000đ. Như vậy sau khi khấu trừ tiền mua gà của ông thì ông chỉ còn nợ ông N số tiền 7.880.000đ. Sau đó ông có trả cho ông N tiền mặt là 6.500.000đ, vậy ông chỉ còn nợ ông N số tiền là 1.380.000đ. Việc ông N mua gà nợ tiền của ông và việc ông trả tiền cho ông N hai bên không làm giấy tờ gì chỉ nói miệng. Đối với tờ biên nhận nội dung ông có mượn của ông N số tiền 50.000.000đ, tờ biên nhận này ông ghi vào ngày 7/12/AL ông không nhớ năm nào, tại thời điểm này ông đã thanh toán cho ông N xong số tiền 50.000.000đ này nhưng ông N kêu ông viết tờ biên nhận ký tên để ông N làm khớp với sổ sách của ông N vì vậy ông mới làm giấy nợ và đưa cho ông N. Đối với tờ giấy nợ ghi ngày 4/2/AL nội dung ông có mượn 6.700.000đ của ông N thì ông có nợ số tiền này nhưng khi đó ông có bán 01 con gà cho ông N giá 1.600.000đ thì ông N mới trừ 1.600.000đ, vì vậy ngày 22/2AL ông N kêu ông ghi giấy nợ 5.100.000đ, đáng lẽ ông N phải bỏ giấy nợ 6.700.000đ ghi ngày 4/2Al đi nhưng nay ông N lại lấy giấy nợ này để kiện đòi tiền nên ông không đồng ý. Đối với số nợ 5.100.000đ thì ông đã trả góp cho ông N 13 ngày, mỗi ngày 300.000đ, còn 4 ngày là 1.200.000đ ông gửi sau có ghi trong giấy nhận nợ này, xem như phần này ông đã trả xong phần nợ 5.100.000đ.

Tại phiên toà ông H thay đổi lời trình bày so với những lần khai trước đây về các giấy nợ như sau:

Đối với tờ giấy nhận nợ lập ngày 07/12/AL ông H cho rằng đã trả góp cho ông N nhiều lần không nhớ cụ thể, mỗi ngày góp 500.000đ và có trả tiền mặt cho ông N được 25.000.000đ hiện chỉ còn nợ lại một số tiền ông H không nhớ cụ thể, sau đó ông N nhờ ông H viết tờ giấy nợ nội dung mượn 50.000.000đ để làm khớp sổ sách của

ông N nên ông H mới viết, thực tế số nợ này ông đã trả gần hết.

Đối với tờ giấy nợ lập ngày 4/2/AL nội dung ghi là ông H có nhận của ông N 6.700.000đ thì số tiền này sau khi trừ đi số tiền 1.600.000đ ông N mua của ông H 01 con gà đá giá 1.600.000đ số còn lại 5.100.000đ thì ông N bắt 05 con gà để trừ nợ, sau đó ông N kêu ông H làm tờ biên nhận 5.100.000đ mà không xé bỏ tờ biên nhận 6.700.000đ nay ông N lấy cả hai tờ biên nhận này để kiện ông nên ông không đồng ý vì ông đã thanh toán xong. Tại phiên toà ông H đồng ý còn nợ ông N 4.000.000đ ông mượn vào ngày 01/3/2017AL.

Nay ông N yêu cầu ông hoàn trả số tiền 42.560.000đ ông không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho ông N 4.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền là 42.560.000đ thì thấy:

Nguyên đơn cho rằng vào ngày 7/12/2016 có cho ông H vay số tiền vốn vay 50.000.000đ, lãi suất 2,5/tháng, trả góp mỗi ngày 440.000đ, số tiền này ông H đã góp được 18.040.000đ, số còn lại là 31.960.000 đồng chưa trả. Ngày 4/2/2017AL ông có nhận cầm 02 chiếc xe Honda của ông H sau đó ông cho H lấy xe về và hai bên thỏa thuận ông H làm giấy nợ cho ông số tiền 6.700.000đ, đến ngày 22/2/2017AL ông H mượn thêm số tiền 5.100.000đ, phần tiền vay này không tính lãi, sau đó H có trả được 1.200.000đ, còn lại 3.900.000đ chưa trả. Tại phiên toà ông N rút lại số tiền vay 4.000.000đ và 5.000.000đ tiền lãi tổng cộng 9.000.000đ không yêu cầu Toà án giải quyết, chỉ yêu cầu toà án giải quyết buộc ông H hoàn trả 42.560.000đ.

Phía bị đơn ông Phan Khánh H thì cho rằng đối với số tiền vốn 50.000.000đ ông có vay của ông N và có ký vào giấy biên nhận nhưng ông đã trả góp nhiều lần và sau đó khấu trừ tiền ông N mua gà nợ ông là 12.800.00đ, ông trả tiền mặt được 6.500.00đ hiện nay ông chỉ còn nợ ông N số tiền là 1.380.000đ. Riêng số nợ theo giấy tay ông ký ngày 4/2/2017AL nội dung ông có nợ số tiền 6.700.000đ thì ông có làm biên nhận cho ông N nhưng sau đó ông có bán cho ông N 01 con gà giá 1.600.000đ thì ông N mới trừ 1.600.000đ, vì vậy ngày 22/2AL ông N kêu ông ghi giấy nợ 5.100.000đ, đáng lẽ ông N phải bỏ giấy nợ 6.700.000đ ghi ngày 4/2Al đi nhưng nay ông N lại lấy giấy nợ này để kiện ông. Nay ông N yêu cầu ông trả số nợ 42.560.000đ ông không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 4.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 42.560.000đ và có cung cấp cho Toà án chứng cứ là các tờ biên nhận lập ngày 04/02 (âm lịch), nội dung biên nhận ghi ông H có nhận của ông N số tiền 6.700.000đ; Biên nhận lập ngày 22/02 (âm lịch) ghi ông H có nhận của ông N số tiền 5.100.000đ; biên nhận nội dung có mượn ông N số tiền 50.000.000đ; các tờ giấy trong sổ theo dõi ghi nợ của ông N đối với số tiền vay 50.000.000đ trả góp mỗi ngày 440.000đ, có chữ ký nhận của ông H. Do ông N đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ liên quan đến số nợ cho toà án. Vì vậy việc ông N khởi kiện đòi ông H hoàn trả số nợ trên là có căn cứ để Toà án xem xét.

Đối với bị đơn ông H cũng thừa nhận là ông có viết và ký tên tất cả 03 giấy nhận nợ trên nhưng ông H cho rằng ông đã thanh toán cho ông N rất nhiều lần, có khấu trừ nhiều khoản tiền mà ông N nợ ông, ông H còn cho rằng ông N đã kêu ông viết biên nhận dùm để ông N đối chiếu với sổ sách của ông N nhưng nay ông N lại lấy tờ biên nhận này để kiện ông. Tuy nhiên ông H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc ông đã thanh toán cho ông N số tiền trên, cũng như việc ông N kêu ông viết biên nhận nợ dùm, vì vậy lời trình bày của ông H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Hơn nữa, theo lời trình bày của ông H trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H khai không thống nhất với nhau, tại biên bản lấy khai ngày 7/6/2017, biên bản hoà giải ngày 26/7/2017 cũng như tại phiên toà hôm nay ông H cũng khai không giống nhau về nội dung của từng giấy nợ và của số tiền còn nợ, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời trình bày của ông H.

Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với nguyên đơn, không thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả vốn và lãi là có căn cứ để chấp nhận, cần xử buộc ông Phan Khánh H phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền còn nợ là 42.560.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 9.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông N và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.128.000đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xử buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 42.560.000đ, ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Xử buộc bị đơn ông Phan Khánh H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền là 42.560.000đ (*Bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền 9.000.000đ, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.289.000đ000đ (*Một triệu hai trăm tám mươi chín ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005259, ngày 15/5/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Phan Khánh H phải chịu án phí là 2.128.000đ (*Hai triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

